|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  ~~. .~~ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ~~. .~~ |
| Số: 5311/BC-BKHĐT | *Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2022**

*(Tài liệu phục vụ Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2022)*

~~. .~~

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ chương trình Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2022, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp và xin báo cáo Chính phủ tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2022 như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2022**

Trong tháng 7, bối cảnh thế giới tiếp tục có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, tác động mạnh đến kinh tế toàn cầu như: xung đột Nga - Ucraina; lạm phát tăng cao; nhiều nền kinh tế lớn thực hiện điều chỉnh chính sách tài khóa, tiền tệ với quy mô và biên độ lớn[[1]](#footnote-1); kinh tế Mỹ và một số nền kinh tế lớn có nguy cơ suy thoái[[2]](#footnote-2); giá cả thế giới một số hàng hóa có dấu hiệu hạ nhiệt như giá xăng dầu, một số nông sản quan trọng (lúa mỳ, gạo, ngô, đậu tương...) nhưng vẫn ở mức cao.

Ở trong nước, mặc dù chịu nhiều sức ép lớn và khó khăn bủa vây của bối cảnh thế giới, nhưng các hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục xu hướng phục hồi tốt; nhiều giải pháp đồng bộ được triển khai quyết liệt để giảm giá xăng dầu, ổn định giá điện, nước, học phí, giá sách giáo khoa, duy trì mặt bằng tỷ giá, lãi suất hợp lý… Nhờ đó, ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được giữ vững; lạm phát được kiểm soát dưới mức mục tiêu đề ra; áp lực chi phí đầu vào được giảm đáng kể; hỗ trợ tích cực cho phục hồi và phát triển KTXH, ổn định và cải thiện đời sống người dân, nhất là người thu nhập thấp; tình hình KTXH tháng 07 và 07 tháng năm 2022 đạt được nhiều kết quả tích cực. Cụ thể như sau:

**1. Tình hình sản xuất kinh doanh và phát triển các ngành, lĩnh vực tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2022**

**(1) Về tình hình kinh tế vĩ mô**

*a) Về chỉ số giá tiêu dùng*

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2022 tăng 0,4% so với tháng trước; tăng 3,59% so với tháng 12/2021 và tăng 3,14% so với cùng kỳ năm trước. Giá thịt lợn tăng cao, nhu cầu sử dụng điện, nước sinh hoạt tăng do thời tiết nắng nóng, giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên liệu đầu vào và chi phí vận chuyển là những nguyên nhân chủ yếu làm CPI tháng 7/2022 tăng. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng và 01 nhóm hàng có chỉ số giá giảm so với tháng 6/2022.

*Trong nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng,* nhóm hàng ăn và dịch *vụ ăn uống* tăng cao nhất với 1,37%. *Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch* tăng 0,79% do giá dịch vụ du lịch trong nước tăng 1,99%; du lịch ngoài nước tăng 0,32% và khách sạn, nhà khách tăng 0,76% khi nhu cầu du lịch nội địa tăng cao vào dịp hè. *Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng* tăng 0,49% do giá điện, nước sinh hoạt tăng theo nhu cầu tiêu dùng trong mùa hè. *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 0,43% tập trung chủ yếu ở mặt hàng chăm sóc cơ thể. *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 0,39% do nhu cầu tiêu dùng tăng lên trong mùa hè, đồng thời giá nguyên liệu đầu vào và giá vận chuyển tăng[[3]](#footnote-3). *Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép* tăng 0,32% do giá nguyên phụ liệu sản xuất, chi phí vận chuyển và nhu cầu mua sắm vào mùa hè tăng[[4]](#footnote-4). *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,32%. *Nhóm bưu chính viễn thông* tăng 0,26%. *Nhóm giáo dục* tăng 0,20%. *Nhóm thuốc và dịch vụ y tế* tăng 0,05%.

Nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm: Nhóm giao thông giảm 2,85% (làm CPI chung giảm 0,28 điểm phần trăm) do các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước vào ngày 01/7/2022, 11/7/2022 và 21/7/2022 làm cho giá giá xăng giảm 8,7%; giá dầu diezen giảm 4,03%. Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 2,16% do đang mùa cao điểm du lịch ; giá xe máy, xe đạp, xe ô tô mới tăng lần lượt là 0,98%, 0,47% và 0,36% do thiếu nguồn cung linh kiện, phụ tùng chủ yếu từ Trung Quốc.

CPI bình quân 7 tháng đầu năm 2022 tăng 2,54% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản[[5]](#footnote-5) tháng 7/2022 tăng 0,58% so với tháng trước, tăng 2,63% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng đầu năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 1,44% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 2,54%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng dầu.

*b) Về thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán*

Trên cơ sở bám sát diễn biến kinh tế thế giới và tình hình kinh tế trong nước, tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế, thích ứng kịp thời với diễn biến thị trường trong và ngoài nước, duy trì ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Trong đó:

*Thị trường tiền tệ* cơ bản ổn định, đến ngày 27/07 tín dụng tăng 9,44% so với cuối năm 2021 và tăng 16,6% so với cùng kỳ.

- *Điều hành các mức lãi suất ổn định*[[6]](#footnote-6), phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ, tạo điều kiện để tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ ngân hàng nhà nước với chi phí thấp, qua đó có điều kiện giảm lãi suất cho vay hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất kinh doanh. Đến nay, mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng tăng nhẹ (so với cuối năm 2021, lãi suất tiền gửi bình quân tăng 0,19%/năm, lãi suất cho vay bình quân tăng khoảng 0,17%/năm) chủ yếu do nhu cầu tín dụng tăng cao nhằm đáp ứng cho tăng trưởng kinh tế phục hồi trở lại.

- *Điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt* phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước, các cân đối vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ trong bối cảnh tình hình cung cầu ngoại tệ nhiều thời điểm diễn biến bất lợi, tạo áp lực lớn lên công tác điều hành tỷ giá và ổn định thị trường ngoại tệ do thị trường tài chính – tiền tệ thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện can thiệp thị trường linh hoạt để giúp hấp thu tốt các cú sốc bên ngoài trong khi vẫn giữ ổn định thị trường ngoại tệ. Theo đó, tỷ giá VND/USD trong tháng 7 duy trì tương đối ổn định, tăng khoảng 2,7% so với cuối năm 2021, trong khi đồng tiền của nhiều nền kinh tế khác mất giá mạnh (như EUR: +7,3%, CNY: +4,9%, JPY: +15,3%,…). Thanh khoản thị trường tiếp tục thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Sáng ngày 20/7/2022, tỷ giá trung tâm ở mức 23.214 VND/USD, tăng 0,3% so với cuối năm 2021; tỷ giá giao dịch bình quân thị trường liên ngân hàng khoảng 23.420 VND/USD, tăng 2,78% so với cuối năm 2021; tỷ giá niêm yết mua/bán của VCB ở mức 23.280/23.560 VND/USD, tăng 2,83%/2,79% so với cuối năm 2021.​

- *Về kết quả xử lý nợ xấu:* Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu nội bảng có xu hướng tăng trong giai đoạn 2020-2021. Trong tháng 5/2022, tổng số nợ xấu nội bảng được xử lý là 69.189 tỷ đồng (khách hàng trả nợ là 28.385,7 tỷ đồng; sử dụng dự phòng rủi ro là 19.838,5 tỷ đồng; bán nợ cho VAMC là 15.603,1 tỷ đồng; các hình thức khác là 5.361,7 tỷ đồng). Tỷ lệ nợ xấu nội bảng cuối tháng 5/2022 là 1,55%.

- *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn* cho người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và thiên tai, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh dịp cuối năm và đầu năm như: chính sách giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng; chương trình cho vay trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất; các giải pháp về miễn, giảm phí dịch vụ thanh toán...

*- Về diễn biến thị trường vàng:* Sáng ngày 20/7/2022, giá vàng miếng SJC bình quân trong nước được giao dịch ở mức 63,4/65,5 triệu đồng/lượng, tăng 3,35 triệu đồng/lượng so với đầu năm (tương đương 5,48%). Hiện, bình quân giá mua vàng miếng SJC trong nước cao hơn giá vàng thế giới quy đổi (chưa tính phí) ở mức 14,8 triệu đồng/lượng.

*- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp:* Có 433 mã trái phiếu niêm yết; quy mô giao dịch bình quân tháng 7 là 6,37 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 18,8% so với tháng trước; bình quân 7 tháng là 10,17 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 10,8% so bình quân năm 2021.

*- Thị trường chứng khoán:* Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng có xu hướng giảm điểm là chủ yếu, do tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước những biến động của kinh tế - chính trị thế giới, nhất là các ngân hàng trung ương lớn thắt chặt chính sách tiền tệ, xung đột Nga - Ukraine kéo dài, nguy cơ suy giảm tăng trưởng và áp lực lạm phát tăng ngày càng rõ nét.

Tính đến hết ngày 27/7/2022, chỉ số VN-Index đạt 1.191,04 điểm, giảm 20,5% so với cuối năm 2021, quy mô vốn hoá thị trường cổ phiếu đạt 6.226 nghìn tỷ đồng, tương đương 74,1% GDP, giảm 19,8% so với cuối năm 2021. ​

Hiện có 762 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 sàn giao dịch HNX và HoSE, 862 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM và gần 6,16 triệu tài khoản đầu tư chứng khoán. Giá trị giao dịch bình quân tháng 7 đạt 13,43 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 24% so với tháng trước, bình quân 7 tháng đầu năm đạt 24,14 nghìn tỷ đồng, giảm 9,3% so với bình quân năm 2021.

Thị trường chứng khoán phái sinh khối lượng giao dịch bình quân tháng 7 là 249,5 nghìn hợp đồng/phiên, giảm 20% so với tháng trước; bình quân 7 tháng là 214,5 nghìn hợp đồng/phiên, tăng 14% so với bình quân năm trước.

Nhằm tăng cường quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra các công ty đại chúng và tổ chức kinh doanh chứng khoán, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đảm bảo sự phát triển lành mạnh của thị trường; trong 7 tháng đầu năm, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành 220 quyết định xử phạt vi phạm, với tổng số tiền xử phạt xấp xỉ 18 tỷ đồng.

*c) Về thu, chi ngân sách nhà nước*

*- Tổng thu NSNN 7 tháng* ước đạt 1.093,5 nghìn tỷ đồng, bằng 77,5% dự toán, tăng 18,1% so cùng kỳ năm 2021. Trong đó, thu nội địa đạt 74% dự toán, tăng 15%; thu từ dầu thô đạt 152,5% dự toán (giá dầu bình quân khoảng 105,8 USD/thùng, tăng 45,8 USD/thùng so dự toán), tăng 91,6%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 90,3% dự toán, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong tháng, tiếp tục triển khai các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí đã ban hành để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân[[7]](#footnote-7). Tính đến hết tháng 7, tổng số tiền thuế, phí, lệ phí được miễn, giảm, gia hạn để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh ước khoảng 89,2 nghìn tỷ đồng, trong đó: số tiền thuế gia hạn khoảng 43 nghìn tỷ đồng; số tiền miễn, giảm thuế, phí, lệ phí khoảng 46,2 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý thu, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thông quan hàng hóa, đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu. Tính đến ngày 15/7/2022, cơ quan Hải quan đã thực hiện 1.527 cuộc thanh tra, kiểm tra, xử lý thu vào NSNN 200 tỷ đồng; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, bắt giữ 8,61 nghìn vụ vi phạm với giá trị hàng hóa khoảng 4 nghìn tỷ đồng, xử lý thu vào NSNN 220,8 tỷ đồng.

Các nhiệm vụ chi ngân sách trong 7 tháng được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn, đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch, các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN.

*- Tổng chi NSNN 7 tháng* ước đạt 842,7 nghìn tỷ đồng, bằng 47,2% dự toán, tăng 3,7% so cùng kỳ năm 2021, trong đó: chi đầu tư phát triển ước đạt 186,8 nghìn tỷ đồng 12 , bằng 35,5% dự toán Quốc hội quyết định; chi trả nợ lãi ước đạt 59,5 nghìn tỷ đồng, bằng 57,4% dự toán; chi thường xuyên ước đạt gần 594,8 nghìn tỷ đồng, bằng 53,5% dự toán.

Tính đến hết tháng 7, NSNN đã chi khoảng 9 nghìn tỷ đồng để phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người dân, người lao động gặp khó khăn, trong đó: chi phòng chống dịch khoảng 3,3 nghìn tỷ đồng; chi hỗ trợ người dân và người lao động là 5,7 nghìn tỷ đồng (bao gồm cả 109 tỷ đồng hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động).

Cân đối NSTW và ngân sách các cấp địa phương được đảm bảo. Trong 7 tháng đầu năm, đã thực hiện phát hành 78,42 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, với kỳ hạn bình quân 14,29 năm, lãi suất bình quân 2,47%/năm.

*d) Về đầu tư phát triển*

*- Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước* thực hiện 7 tháng đầu năm ước đạt 237,6 nghìn tỷ đồng, bằng 43,3% kế hoạch năm và tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 bằng 42,3% và tăng 6,3%).

Ước giải ngân đến 31/7/2022 là 186.818,16 tỷ đồng, đạt **34,47%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, giảm so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 đạt 36,71%). Có 36/51 bộ, cơ quan trung ương và 15/63 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 30% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm, trong đó có 26 bộ, cơ quan trung ương và 02 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 15% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm, đặc biệt có 01 cơ quan trung ương**[[8]](#footnote-8)** đến nay vẫn chưa giải ngân kế hoạch vốn.

Theo báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, khó khăn lớn nhất đối với các dự án đầu tư công hiện nay là công tác giải phóng mặt bằng, biến động của giá nguyên nhiên vật liệu quá lớn và chưa có cơ chế xử lý đối với các hợp đồng trọn gói; tuyển dụng lao động khó khăn, khan hiếm nhân công dẫn đến đơn giá nhân công tăng để cạnh tranh thu hút nhân lực.

*Về tình hình phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022,* ngay từ đầu năm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt giải ngân vốn đầu tư công, nhất là trong bối cảnh yêu cầu phục hồi nhanh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội; đã có nhiều văn bản chỉ đạo, tổ chức hội nghị trực tuyến toàn quốc và thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ để kiểm tra, đôn đốc công tác giải ngân vốn đầu tư công. Tổng số vốn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã có quyết định giao chi tiết cho các dự án đủ thủ tục đầu tư, đủ điều kiện giải ngân trong năm 2022 đến ngày 28/6/2022 là 485.924,036 tỷ đồng[[9]](#footnote-9), đạt 93,8% số vốn Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm. Đến nay còn 16 bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa phân bổ hết kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2022 với tổng số vốn 7.751,496 tỷ đồng; 11/63 địa phương[[10]](#footnote-10) chưa phân bổ hết kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương với tổng số vốn là 25.517,15 tỷ đồng

*- Vốn đầu tư nước ngoài:*

Tính đến 20/07/2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà ĐTNN đạt trên 15,54 tỷ USD, bằng 92,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy vốn đầu tư đăng ký mới tiếp tục giảm, nhưng cả vốn đầu tư điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần đều tăng mạnh so với cùng kỳ. Cụ thể: *Vốn đăng ký mới* có 927 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (giảm 7,9% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký đạt trên 5,72 tỷ USD (giảm 43,5% so với cùng kỳ ), vốn đầu tư đăng ký mới trong 7 tháng tuy tiếp tục giảm song mức độ giảm đã được cải thiện dần so với các tháng đầu năm; *vốn điều chỉnh* có 579 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (tăng 3,2% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt trên 7,24 tỷ USD (tăng 59,3% so với cùng kỳ); *góp vốn, mua cổ phần* có 2.072 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (giảm 13,8% so với cùng kỳ), tổng giá trị vốn góp đạt trên 2,58 tỷ USD (tăng 25,7% so với cùng kỳ). Vốn đầu tư thực hiện của các dự án đầu tư nước ngoài trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt mức tăng cao nhất từ đầu năm, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng hơn 1,3 điểm phần trăm so với 6 tháng.

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt trên 10 tỷ USD, chiếm 64,3% tổng vốn đầu tư đăng ký. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư trên 3,21 tỷ USD, chiếm gần 20,7% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo lần lượt là các ngành hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ; thông tin truyền thông với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt là gần 526,2 triệu USD và gn 465 triệu USD. Còn lại là các ngành khác.

Nếu xét về số lượng dự án mới thì bán buôn bán lẻ, công nghiệp chế biến chế tạo và hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ là các ngành thu hút được nhiều dự án nhất, chiếm lần lượt 30,5%, 26,6% và 15,7% tổng số dự án.

Tính lũy kế đến ngày 20/7/2022, cả nước có 35.367 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 429,04 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt gần 263,17 tỷ USD, bằng 61,3% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

*- Về đầu tư ra nước ngoài,* trong 7 tháng đầu năm 2022, tổng vốn đầu tư Việt Nam ra nước ngoài cấp mới và điều chỉnh đạt gần 358,76 triệu USD, bằng 62,9% với cùng kỳ. Trong đó, có 67 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đăng ký đạt trên 313,8 triệu USD, tăng gấp 2,2 lần so với cùng kỳ ; có 14 lượt dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn đầu tư tăng thêm trên 44,9 triệu USD, bằng 10,6% so với cùng kỳ . Riêng các doanh nghiệp có vốn nhà nước có 02 lượt dự án điều chỉnh vốn, với tổng vốn đầu tư tăng thêm là 10,75 triệu USD, chiếm tỷ lệ nhỏ (gần 3%) tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 7 tháng.

Các nhà đầu tư Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài ở 12 ngành. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với 10 dự án đầu tư mới, tổng vốn đầu tư trên 218,4 triệu USD, chiếm 60,9% tổng vốn đầu tư. Ngành hoạt động tài chính ngân hàng, bảo hiểm đứng thứ hai với 04 lượt dự án điều chỉnh vốn, tổng vốn đầu tư gần 35,34 triệu USD, chiếm 9,8%; tiếp theo là các ngành khai khoáng; bán buôn, bán lẻ; thông tin và truyền thông; …

Có 23 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022. Dẫn đầu là Lào với 03 dự án đầu tư mới và 03 dự án điều chỉnh vốn, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 65,92 triệu USD, chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư. Đứng thứ hai là Singapore với tổng vốn đầu tư gần 41,5 triệu USD, chiếm gần 11,6% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo lần lượt là Hoa Kỳ, Đức, Hà Lan,…

**(2) Về tình hình sản xuất, kinh doanh**

a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Sản xuất nông, lâm và thủy sản trong tháng diễn ra trong bối cảnh địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ gieo cấy lúa mùa và lúa Thu Đông, chăm sóc và thu hoạch lúa Hè Thu. Đảm bảo gieo trồng và thu hoạch lúa, hoa màu trong khung thời vụ tốt nhất, đồng thời theo dõi, phòng trừ kịp thời các đối tượng dịch hại

*- Về trồng trọt*

Tính đến ngày 15/07/2022, cả nước đã gieo cấy được 1.021,6 nghìn ha lúa mùa, giảm 7,7% so cùng kỳ năm trước (-85 nghìn ha), trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 671,9 nghìn ha, giảm 14,1% (-110 nghìn ha), các địa phương phía Nam gieo cấy 349,7 nghìn ha, tăng 7,6% (+24,7 nghìn ha). Tiến độ gieo cấy lúa mùa năm nay chậm hơn so với cùng kỳ do tác động của hiện tượng La-Nina làm cho thời tiết mát lạnh kéo dài dẫn đến cây lúa vụ đông xuân sinh trưởng chậm, thu hoạch muộn ở các tỉnh phía Bắc.

Đến nay, diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước tính đạt 1.915,9 nghìn ha, giảm 1,7% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 177 nghìn ha, giảm 0,8%; các địa phương phía Nam đạt 1.738,9 nghìn ha, giảm 1,8%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.474,3 nghìn ha, giảm 2,3%. Phần lớn diện tích lúa Hè Thu đang ở giai đoạn làm đòng đến chín, các trà lúa Hè Thu sớm, tập trung ở các tỉnh phía Nam đã cho thu hoạch, diện tích thu hoạch 414,7 nghìn ha, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 401,3 nghìn ha, giảm 3,7%.

Các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống được 279,1 nghìn ha lúa thu đông, giảm 1,6% so cùng kỳ. Hiện lúa Thu Đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng; cây lúa sinh trưởng và phát triển khá tốt, vụ lúa Thu Đông bị tác động tiêu cực của các loại phân bón, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất tăng, cũng như ảnh hưởng bất lợi của tình hình thời tiết.

*Gieo trồng các loại rau, màu*: Các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 722,7 nghìn ha ngô, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước; 73,6 nghìn ha khoai lang, giảm 7,4%; 21,9 nghìn ha đậu tương, giảm 10%; 136,7 nghìn ha lạc, giảm 4,1%; 883,9 nghìn ha rau, đậu, giảm 1%.

Diện tích gieo trồng cây khoai lang giảm nhiều tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích toàn vùng giảm 63,1% (-6,3 nghìn ha), trong đó các tỉnh giảm sâu là Vĩnh Long: giảm 83,9% (-4.142,4 ha); Đồng Tháp: giảm 84,3% (-1.931 ha). Nguyên nhân giảm là do tác động của tình hình dịch bệnh Covid-19 xuất khẩu gặp khó khăn, giá bán sản phẩm đầu ra không ổn định; chi phí phân bón tăng cao, hiệu quả kinh tế thấp, sản xuất bị lỗ nên người dân chuyển đổi sang trồng một số loại cây ăn trái và cây màu mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

*- Về chăn nuôi:*

Đàn trâu, bò cả nước trong tháng phát triển ổn định. Tổng số trâu của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng Bảy năm 2022 ước giảm khoảng 1,1%; tổng số bò tăng khoảng 2,6% so với cùng thời điểm năm 2021,

Chăn nuôi lợn: Giá thịt lợn hơi trong tháng có biến động tăng mạnh so với tháng trước. Tính đến ngày 22/7, g[iá thịt lợn hơi](https://vietnambiz.vn/gia-heo-hoi.html) cả nước dao động trong khoảng 65.000 - 72.000 đồng/kg, thay đổi tùy từng địa phương. Tuy nhiên, giá thức ăn chăn nuôi vẫn ở mức cao khiến người chăn nuôi chưa yên tâm tái đàn, mở rộng quy mô sản xuất.

Đàn gia cầm cả nước phát triển ổn định, dịch bệnh được kiểm soát tốt. Nhưng do tác động của chi phí nguyên liệu đầu vào tăng cao, nhất là giá thức ăn chăn nuôi liên tục tăng nên người chăn nuôi đa phần duy trì ổn định quy mô nuôi. Ước tính tổng số gia cầm của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng Bảy năm 2022 tăng khoảng 1,6% so với cùng thời điểm năm 2021.

Tính đến ngày 24/7/2022, cả nước không còn dịch tai xanh và dịch lở mồm long móng. Dịch cúm gia cầm còn ở Hà Nội, Lào Cai, Hà Tĩnh; dịch tả lợn châu Phi còn ở 14 địa phương và dịch viêm da nổi cục còn ở Hà Tĩnh, Đắk Lắk; Gia Lai chưa qua 21 ngày.

*- Về lâm nghiệp:* Trong tháng, thời tiết tương đối thuận lợi đối với sản xuất lâm nghiệp. Trong tháng có mưa nhiều tạo điều kiện cho bà con ở một số địa phương trồng rừng mới, hoạt động khai thác gỗ tiếp tục diễn ra thuận lợi và tích cực.

Diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng ước đạt 15,5 nghìn ha, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước do một số địa phương tranh thủ có mưa nhiều đã đẩy nhanh tiến độ trồng rừng, như: Tuyên Quang tăng 779 ha so với cùng kỳ năm trước, Sơn La tăng 1.391 ha, Kon Tum tăng 372 ha. Tính chung 7 tháng, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 134,9 nghìn ha, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích rừng bị thiệt hại trong tháng[[11]](#footnote-11) là 331,8 ha, trong đó diện tích rừng bị cháy là 20,8 ha; diện tích rừng bị phá là 331,0 ha. Tính chung từ đầu năm đến 15/7/2022, diện tích rừng bị thiệt hại là 937,7 ha, giảm 33,4 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 45 ha, giảm 90%; diện tích rừng bị phá là 892,7 ha, giảm 6,7%.

- *Thủy sản:*Tình hình nuôi trồng thủy sản trong tháng diễn ra thuận lợi hơn so với cùng kỳ năm trước do các hoạt động sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm thủy sản trọng điểm như cá tra, tôm nuôi không chịu tác động của dịch như năm 2021. Hoạt động khai thác thủy sản biển trong tháng vẫn gặp nhiều khó khăn do giá xăng dầu vẫn ở mức cao, dẫn tới hiệu quả khai thác thấp so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 805,4 nghìn tấn, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá đạt 566,7 nghìn tấn, tăng 0,9%; sản lượng tôm đạt 130 nghìn tấn, tăng 7%, sản lượng thủy sản khác đạt 108,7 nghìn tấn, giảm 1,3%. Tính chung 7 tháng năm 2022, sản lượng thủy sản ước đạt 5.003,1 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 3.612 nghìn tấn, tăng 1,6%; tôm đạt 650 nghìn tấn, tăng 8,9%; thủy sản khác đạt 741,1 nghìn tấn, tăng 0,9%.

*Sản lượng thủy sản nuôi trồng* ước đạt 462,9 nghìn tấn, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 293 nghìn tấn, tăng 5,5%; tôm đạt 118,8 nghìn tấn, tăng 7,9%; thủy sản khác đạt 51,1 nghìn tấn, tăng 5,1%.

Hoạt động chế biến và xuất khẩu cá tra có nhiều điều kiện thuận lợi và tiếp tục đạt kết quả khả quan. Tính tới trung tuần tháng 7/2022, giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tăng so với cùng kỳ năm trước[[12]](#footnote-12). Sản lượng cá tra trong tháng ước đạt 129,3 nghìn tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước. Giá tôm nuôi ở mức cao và duy trì ổn định[[13]](#footnote-13) giúp người nuôi đạt được lợi nhuận, thúc đẩy mở rộng nhiều mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao. Sản lượng tôm thẻ chân trắng tháng Bảy ước đạt 85,5 nghìn tấn, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 28 nghìn tấn, tăng 2,2%.

*Sản lượng thủy sản khai thác* trong tháng ước đạt 342,5 nghìn tấn, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước, tăng thấp nhất trong vòng 5 năm qua[[14]](#footnote-14). Cụ thể, cá đạt 273,7 nghìn tấn, giảm 3,6%; tôm đạt 11,2 nghìn tấn, giảm 1,8%; thủy sản khác đạt 57,6 nghìn tấn, giảm 6,3%. Ngư dân tiếp tục gặp khó khăn do giá nhiên liệu vẫn ở mức cao so với cùng kỳ năm trước làm tăng chi phí các chuyến đánh bắt thủy sản. Bên cạnh đó, trong tháng do chịu ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 01 có tên quốc tế là CHABA trên khu vực Biển Đông suy yếu thành áp thấp nhiệt đới đã ảnh hưởng tới hoạt động đánh bắt thủy sản biển. Sản lượng khai thác biển trong tháng ước đạt 327,9 nghìn tấn, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm trước.

*b) Sản xuất công nghiệp*

Sản xuất công nghiệp trong tháng tiếp tục phục hồi, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2022 ước tính tăng 1,6% so với tháng trước[[15]](#footnote-15) và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 12,8%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,2%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,7%; riêng ngành khai khoáng giảm 1,5%.

Tính chung 7 tháng năm 2022, IIP ước tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 7,6%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7% (cùng kỳ năm 2021 tăng 9,7%), đóng góp 7,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,4%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,5%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 3,6%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm.

*Chỉ số sản xuất 7 tháng năm 2022 của một số ngành trọng điểm* thuộc ngành công nghiệp cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm 2021: Sản xuất trang phục tăng 23,1%; sản xuất thiết bị điện tăng 21%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 20,1%; sản xuất đồ uống tăng 19,5%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 15,1%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 11%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 10,3%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 10,2%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 10%. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 8,4%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị giảm 3,5%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 2,5%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 2,4%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 1,4%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 1%.

*Chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng năm 2022* so với cùng kỳ năm trước tăng ở 61 địa phương và giảm ở 02 địa phương trên cả nước. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phục hồi mạnh mẽ; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao[[16]](#footnote-16). Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP tăng thấp hoặc giảm khi hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chưa lấy lại đà tăng trưởng cao như thời điểm trước khi xảy ra dịch bệnh; ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện tăng thấp hoặc giảm[[17]](#footnote-17).

*Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực* *trong 7 tháng năm 2022 tăng cao so với cùng kỳ năm trước*: Bia tăng 22,1%; linh kiện điện thoại tăng 21,3%; thủy hải sản chế biến tăng 13,6%; quần áo mặc thường tăng 13,1%; phân u rê tăng 11,8%; giày, dép da tăng 11,4%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 10,6%; than sạch tăng 9,2%; ô tô tăng 9%. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước: Ti vi giảm 15,9%; sắt, thép thô và vải dệt từ sợi nhân tạo cùng giảm 9,4%; phân hỗn hợp N.P.K giảm 7,1%; thức ăn cho thủy sản giảm 5,8%; xe máy giảm 4,7%; điện thoại di động giảm 3,2%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 3,1%; khí hóa lỏng LPG giảm 1,7%; dầu mỏ thô khai thác giảm 1,5%.

*Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp* *tại thời điểm 01/7/2022* tăng 1,2% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 11,3% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước không đổi và giảm 5,1%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,7% và tăng 6,6%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,5% và tăng 14,1%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng không đổi so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 0,9% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 1,3% và tăng 12,1%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí không đổi và tăng 1,6%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,2% và tăng 4,5%.

c) Khu vực dịch vụ

Trong tháng, hoạt động thương mại và dịch vụ phục hồi nhanh ở tất cả các ngành, đặc biệt là dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành. Nguồn cung hàng hóa dồi dào tại các siêu thị và chợ truyền thống, đảm bảo phục vụ đầy đủ nhu cầu mua sắm của người dân. Trong 7 tháng đầu năm, có nhiều dịp nghỉ lễ dài và dịp nghỉ hè của học sinh, sinh viên nên nhu cầu ăn uống ngoài gia đình và doanh thu dịch vụ du lịch tăng theo.

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng* trong tháng ước đạt 486 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 42,6% so với cùng kỳ năm trước, đạt quy mô và tốc độ tăng cao hơn so với cùng kỳ các năm trước khi xảy ra dịch Covid-19[[18]](#footnote-18).

Tính chung 7 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 3.205,8 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 giảm 0,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 11,9% (cùng kỳ năm 2021 giảm 1,8%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng năm 2022 có quy mô cũng như tốc độ tăng đều cao hơn so với cùng kỳ nhiều năm trở lại đây[[19]](#footnote-19).

*Doanh thu bán lẻ hàng hóa* 7 tháng năm 2022 ước đạt 2.556,4 nghìn tỷ đồng, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 9,5%), chủ yếu do doanh thu cùng kỳ năm trước đạt thấp[[20]](#footnote-20) và giá bán hàng hóa tăng khi giá nhiên liệu tăng cao. *Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống* 7 tháng năm 2022 ước đạt 324,9 nghìn tỷ đồng tăng 37,5% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu vui chơi và du lịch của người dân tăng cao trong dịp hè (Riêng doanh thu tháng 7/2022 tăng 134,7% so với cùng kỳ năm trước). *Doanh thu du lịch lữ hành* 7 tháng năm 2022 ước đạt 11,9 nghìn tỷ đồng, gấp 2,7 lần so với cùng kỳ năm trước do hoạt động du lịch phục hồi mạnh mẽ[[21]](#footnote-21), đặc biệt là du lịch nội địa.

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng* ước tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 42,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ lưu trú, ăn uống gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước và dịch vụ du lịch lữ hành gấp 35,5 lần. Tính chung 7 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

*Lĩnh vực du lịch* đang phục hồi mạnh mẽ, hoạt động du lịch đã được mở lại toàn bộ cả du lịch quốc tế và nội địa, thông qua đường hàng không, đường bộ, đường sắt và đường biển. Trong dịp nghỉ hè của học sinh, sinh viên, các đường bay quốc tế và nội địa tăng cường tần suất chuyến bay để phục vụ nhu cầu đi lại, du lịch của người dân.

Khách quốc tế đến Việt Nam tăng trưởng tích cực so với thời gian trước trong điều kiện thuận lợi về kiểm soát y tế,[[22]](#footnote-22) đạt 352,6 nghìn lượt người, tăng 49% so với tháng trước và gấp 47,2 lần so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng năm 2022, khách quốc tế đến nước ta đạt 954,6 nghìn lượt người, gấp 10 lần so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn giảm 90,3% so với cùng kỳ năm 2019; trong đókhách đến bằng đường hàng không đạt 831 nghìn lượt người, chiếm gần 87,1% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và gấp 13,5 lần so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 123,3 nghìn lượt người, chiếm 12,9% và gấp 3,6 lần; bằng đường biển đạt 257 lượt người, chiếm 0,03% và tăng 8,9%.

Du lịch nội địa diễn ra khởi sắc do học sinh, sinh viên đang trong kì nghỉ hè. Các cơ sở lưu trú, lữ hành và các khu du lịch đón lượng khách lớn, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Trong 7 tháng năm 2022, do có nhiều dịp nghỉ lễ dài và nghỉ hè trong điều kiện tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, lượng khách du lịch nội địa tăng trưởng mạnh mẽ với tổng khách nội địa lên đến hơn 60 triệu lượt.

*Hoạt động vận tải* trong tháng Bảy diễn ra nhộn nhịp với những kết quả tích cực cả về vận tải hành khách và hàng hóa. Trong đó, vận chuyển hành khách gấp 3,9 lần và luân chuyển hành khách gấp 5,9 lần so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu đi lại, du lịch của người dân tăng rất cao trong dịp hè; vận tải hàng hóa tăng 79% về vận chuyển và tăng 64,3% về luân chuyển so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng năm 2022, vận chuyển hành khách tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước, luân chuyển hành khách tăng 37,1% và vận chuyển hàng hóa tăng 16,1%, luân chuyển hàng hóa tăng 22,9%.

*d) Xuất, nhập khẩu hàng hóa*

*Trong tháng Bảy, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 60,63 tỷ USD, giảm 6,8% so với tháng trước và tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước*. Tính chung 7 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 431,94 tỷ USD, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- *Về xuất khẩu*, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7/2022 ước đạt 30,32 tỷ USD, giảm 7,7% so với tháng trước. Trong đó, Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 7,93 tỷ USD, giảm 8,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 22,39,4 tỷ USD, giảm 7,4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7/2022 tăng 8,9%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 3,7%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 10,8%.

Tính chung 7 tháng năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 216,35 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 56,99 tỷ USD, tăng 17%, chiếm 26,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 159,36 tỷ USD, tăng 15,7%, chiếm 73,7%.

Trong 7 tháng năm 2022 có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 5 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 58,5%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 7 tháng năm 2022, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản chiếm 1,5%, tăng 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm 88,7%, giảm 0,1 điểm phần trăm; nhóm hàng nông sản, lâm sản chiếm 6,7%, giảm 0,7 điểm phần trăm; nhóm hàng thủy sản chiếm 3,1%, tăng 0,4 điểm phần trăm.

- Về nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2022 ước đạt 30,3 tỷ USD, giảm 6% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,7 tỷ USD, giảm 9,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 19,6 tỷ USD, giảm 4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2022 tăng 3,4%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 2,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 3,9%.

Tính chung 7 tháng năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 215,59 tỷ USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 76,06 tỷ USD, tăng 13,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 139,53 tỷ USD, tăng 13,7%.

Trong 7 tháng năm 2022 có 33 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 88,6% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 3 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 40,8%).

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 7 tháng năm 2022, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 94%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 44%, giảm 0,8 điểm phần trăm; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 50%, tăng 1 điểm phần trăm. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng chiếm 6%, giảm 0,2 điểm phần trăm.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 7 tháng năm 2022, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 67,1 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 72,6 tỷ USD. Trong 7 tháng năm 2022, xuất siêu sang EU ước đạt 18,7 tỷ USD, tăng 41,5% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 42,2 tỷ USD, tăng 21,6%; nhập siêu từ Hàn Quốc 23,5 tỷ USD, tăng 30,3%; nhập siêu từ ASEAN 7,9 tỷ USD, giảm 8,9%; nhập siêu từ Nhật Bản 769 triệu USD, giảm 13,9%.

Tính chung 7 tháng năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 764 triệu USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 3,31 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 19,07 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 19,83 tỷ USD.

*đ)* *Về tình hình đăng ký doanh nghiệp*

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và những nỗ lực của Chính phủ trong việc ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tình hình đăng ký doanh nghiệp trong 7 tháng đầu năm 2022 tiếp tục ghi nhận nhiều tín hiệu khởi sắc

- *Trong tháng, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, là* 13.174 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký là 123.936 tỷ đồng, tăng 50,7% về số doanh nghiệp và tăng 1,0% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 7 tháng đầu năm, số doanh nghiệp thành lập mới là 89.407 doanh nghiệp, mức cao nhất trong giai đoạn 7 tháng đầu năm từ trước đến nay; tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2022. Số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 1.006.058 tỷ đồng, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2021.

- Trong 7 tháng đầu năm, cả 06/06 khu vực trên cả nước đều có số doanh nghiệp đăng ký thành lập tăng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó, 02 khu vực có sự gia tăng mạnh nhất là Đông Nam Bộ (35.683 doanh nghiệp, tăng 17,7%) và Đồng bằng Sông Hồng (26.925 doanh nghiệp, tăng 14,3%).

- Tổng số vốn doanh nghiệp đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 7 tháng đầu năm 2022 là 3.335.810 tỷ đồng (tăng 37,2% so với cùng kỳ năm 2021), trong đó, số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 1.006.058 tỷ đồng (giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2021). Số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động đạt 2.329.752 tỷ đồng (tăng 70,5% so với cùng kỳ năm 2021), với 31.235 lượt doanh nghiệp đang hoạt động đăng ký tăng vốn (tăng 13,2% so với cùng kỳ năm 2021). Vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp thành lập mới trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt 11,3 tỷ đồng, giảm 19,9% so với cùng kỳ năm 2021.

- Số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 7/2022 là 106.155 người, tăng 49,0% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 7 tháng đầu năm 2022 là 620.975 lao động, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2021.

- Tháng 7/2022 ghi nhận có 2.325 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 53,0% so với cùng kỳ năm 2021. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 7 tháng đầu năm 2022 là 44.301 doanh nghiệp, tăng 49,7% so với cùng kỳ năm 2021. Như vậy, con số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tính trong 7 tháng đầu năm nay đã cao hơn số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong một năm của giai đoạn trước đây[[23]](#footnote-23). Tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 7 tháng năm 2022 là 133,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 19,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng ở tất cả 17 lĩnh vực, trong đó phải kể đến các lĩnh vực đã chịu nhiều tác động bởi dịch bệnh Covid-19 trong thời gian qua: Hoạt động dịch vụ khác (1.264 doanh nghiệp, tăng 212,9%); Giáo dục và đào tạo (1.108 doanh nghiệp, tăng 68,4%); Dịch vụ lưu trú và ăn uống (2.575 doanh nghiệp, tăng 54,9%)...

- Trong tháng 7/2022, cả nước có 11.468 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó có: 5.285 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm 2021; 4.416 doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2021; 1.767 doanh nghiệp đã giải thể, tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 7 tháng đầu năm 2022 có 94.575 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, phần lớn là các doanh nghiệp lựa chọn hình thức tạm ngừng kinh doanh trong ngắn hạn (56.014 doanh nghiệp, chiếm 59,2% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 7 tháng đầu năm 2022). Trong 7 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể là 28.206 doanh nghiệp, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2021. Số doanh nghiệp giải thể trong 7 tháng đầu năm 2022 là 10.355 doanh nghiệp, giảm 9,0% so với cùng kỳ năm 2021

*Về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước,* trong 7 tháng đầu năm 2022, các doanh nghiệp thuộc các Tập đoàn, Tổng công ty, DNNN đã thoái vốn với giá trị sổ sách là 382 tỷ đồng, thu về 2.180 tỷ đồng. Đồng thời ghi nhận bổ sung 01 doanh nghiệp cổ phần hóa (Công ty TNHH MTV Phà An Giang) với tổng giá trị doanh nghiệp là 309 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 278 tỷ đồng.

**(3) Về một số lĩnh vực xã hội**

*a) Về lao động, việc làm*

Tính đến ngày 22/7/2022[[24]](#footnote-24) gói hỗ trợ theo Nghị quyết 11/NQ-CP đã giải ngân khoảng 196,7 tỷ đồng hỗ trợ cho 344.070 người lao động tại 3.936 doanh nghiệp. Cụ thể, hỗ trợ 191,6 tỷ đồng cho 339.117 người lao động đang làm việc trong 3.341 đơn vị sử dụng lao động; hỗ trợ 5,1 tỷ đồng cho 4.953 người lao động quay trở lại thị trường lao động tại 595 doanh nghiệp.

Theo dõi chặt chẽ, nắm tình hình lao động, nhất là trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, kịp thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động. Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu lao động, tổ chức các sàn giao dịch việc làm, các phiên giao dịch việc làm, hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động.

*- Nhờ thực hiện các giải pháp đồng bộ, thị trường lao động phục hồi mạnh mẽ*, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên 6 tháng đầu năm 2022 đạt 51,4 triệu người, cao hơn 0,4 triệu người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 6 tháng đầu năm 2022 là 68,3%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong 6 tháng đầu năm 2022 là 50,3 triệu người, tăng 417,0 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 18,6 triệu người, tăng 762,0 nghìn người. Lao động nam là 26,7 triệu người, chiếm 53,1% tổng số lao động và tăng 286,5 nghìn người, tương ứng tăng gần 1,1% so với cùng kỳ năm trước và mức tăng lao động nam giới cao hơn gấp 2 lần so với mức tăng này ở lao động nữ (1,1% so với 0,6%)[[25]](#footnote-25).

*- Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 6 tháng đầu năm* 2022 là 2,39%, giảm 0,13 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; trong đó, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động khu vực thành thị là 2,93%, giảm 0,35 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động đã qua đào tạo từ trình độ “Sơ cấp” trở lên 6 tháng đầu năm 2022 ước tính là 13,4 triệu người, chiếm 26,1%, không thay đổi so với cùng kỳ năm trước.

*- Thu nhập bình quân tháng của người lao động 6 tháng đầu năm* 2022 là 6,5 triệu đồng, tăng 5,3% (tương ứng tăng 326 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 11% (tương ứng tăng 646 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm 2020. Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương trong 6 tháng đầu năm 2022 là 7,4 triệu đồng, tăng khoảng 417 nghìn so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 699 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2020.

*b) Về giáo dục và đào tạo*

Đẩy mạnh triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 nhằm bảo đảm sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cho học sinh[[26]](#footnote-26). Tích cực triển khai Kế hoạch tổng thể của ngành Giáo dục thích ứng với tình hình dịch COVID-19, bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng; trình các cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai các chính sách hỗ trợ, khắc phục khó khăn do bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19; đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đối với ngành Giáo dục và khảo sát nhanh về hiệu quả việc dạy và học trực tuyến ở trường phổ thông, làm cơ sở để thực hiện giải pháp bảo đảm chất lượng, bổ sung kiến thức cho học sinh khi trở lại trường học và đề xuất các chính sách khắc phục tác động của đại dịch COVID-19 đối với ngành Giáo dục.

Tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT bảo đảm an toàn, nghiêm túc; có 1.002.432 thí sinh đăng ký dự thi, trong đó có 989.863 thí sinh dự thi, đạt tỷ lệ 98,75%. Ban Chỉ đạo thi các cấp đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức coi thi tại các Điểm thi, kịp thời phát hiện, nhắc nhở và hỗ trợ khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình tổ chức coi thi để tăng cường kỳ cương trường thi, giữ nghiêm kỷ luật phòng thi; cả nước chỉ có 49 thí sinh vi phạm Quy chế thi và bị đình chỉ thi, không có cán bộ vi phạm Quy chế thi. Đến thời điểm này, các địa phương đã hoàn tất công tác chấm thi tốt nghiệp THPT, Bộ GDĐT đã công bố phổ điểm các môn thi.

Thí sinh Việt Nam tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế đạt nhiều thành tích: Olympic Vật lý châu Âu có 03/05 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 02 Huy chương bạc và 01 Huy chương đồng); Olympic Vật lí Châu Á - Thái Bình Dương có 08/08 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 01 Huy chương Bạc, 02 Huy chương Đồng và 05 Bằng khen); Olympic Tin học Châu Á - Thái Bình Dương có 07/07 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 03 Huy chương Vàng và 04 Huy chương Bạc); Olympic Toán học quốc tế có 06/06 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 02 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Bạc, 02 Huy chương Đồng); Olympic Vật lý quốc tế có 05/05 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 03 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 01 Huy chương Đồng); Olympic Sinh học quốc tế có 04/04 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 01 huy chương Bạc và 03 huy chương Đồng); Olympic Hóa học quốc tế có 04/04 thí sinh dự thi đạt giải (04 huy chương Vàng).

Đẩy mạnh chuyển đổi số, tổ chức kết nối, xác thực định danh của học sinh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: đã định danh được khoảng 600.000/900.000 hồ sơ học sinh học lớp 12 năm học 2021-2022 trên cơ sở dữ liệu ngành; định danh được khoảng 1 triệu/22 triệu trẻ em, học sinh từ mầm non đến lớp 11; kết nối, đồng bộ và chia sẻ thành công dữ liệu của 1,6 triệu hồ sơ giáo viên và cán bộ quản lý trong cơ sở dữ liệu ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết nối thành công Hệ thống phần mềm quản lý thi của Bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng ổn định; hoàn thành tích hợp, công khai Dịch vụ công trực tuyến “Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022” trên cổng Dịch vụ công Quốc gia.

c) Về khoa học và công nghệ

Trong 7 tháng đầu năm 2022, đã trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 07/2022/QH15); Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030. Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng rà soát, hoàn thiện, trình Bộ Chính trị Đề án “Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Phối hợp với Bộ Nội vụ tiếp thu, giải trình, báo cáo Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học Công nghệ*;* Tiếp tục tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao thay thế Nghị định số 99/2003/NĐ-CP. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ xây dựng văn bản theo kế hoạch đã đề ra.

Hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo... cũng được tổ chức thực hiện và hoàn thành theo tiến độ đặt ra.

*d) Công tác an sinh xã hội*

Theo kết quả sơ bộ từ Khảo sát mức sống dân cư trong 7 tháng năm 2022, tình hình đời sống của hộ dân cư đã khả quan hơn. Tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập trong tháng không thay đổi và tăng lên so với tháng cùng kỳ năm 2021 là 81,6%; tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập giảm so với tháng cùng kỳ năm 2021 là 18,4%. Trong các nguyên nhân làm giảm thu nhập của hộ gia đình có 78,4% hộ gia đình đánh giá do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; 18,5% hộ đánh giá do thành viên của hộ mất việc làm/tạm nghỉ việc và 15,5% hộ đánh giá do chi phí đầu vào cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ tăng lên. Về tác động của các sự kiện tiêu cực đến đời sống trong 7 tháng năm 2022, có 66,4% hộ đang phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19; 2,3% hộ gia đình chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh đối với vật nuôi, cây trồng và 1,9% hộ chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh khác.

Trong 7 tháng năm 2022, có 26,2% hộ gia đình nhận được sự trợ giúp từ các nguồn hỗ trợ khác nhau. Cụ thể, tỷ lệ hộ nhận được trợ giúp từ các chương trình, chính sách chung của quốc gia là 11,5%; từ họ hàng, người thân là 12,2%; từ các chương trình, chính sách của địa phương là 10,2%; từ các hoạt động từ thiện của các tổ chức và cá nhân khác là 5,9% và từ các nguồn khác là gần 0,2%.

Trong tháng 7/2022, để hỗ trợ gạo cho người dân bị mất mùa, ngày 9/7/2022 Thủ tướng đã có Quyết định số 806/QĐ-TTg về việc cấp xuất gạo từ nguồn dự trữ quốc gia 432,8 tấn cho tỉnh Bình Phước để hỗ trợ người dân do mất mùa.

Cũng trong tháng 7, cả nước đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm 75 ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022) bảo đảm thiết thực, trang trọng, ý nghĩa. Chiều 23/7/2022, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã gặp mặt thân mật 75 đại biểu người có công tiêu biểu, đại diện cho hàng triệu người có công là cán bộ lão thành cách mạng, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang, thương binh, bệnh binh, thân nhân gia đình liệt sĩ ở khắp mọi miền Tổ quốc, thể hiện sự quan tâm, tri ân và động viên kịp thời của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với các thế hệ đã có nhiều cống hiến, hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

*đ) Chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Trên thế giới, khu vực châu Âu đang phải đối mặt với một làn sóng Covid-19 mới, làm gia tăng số ca mắc và số ca nhập viện[[27]](#footnote-27). Tại Việt Nam, tình hình dịch Covid-19 có những diễn biến mới phức tạp, gia tăng số ca mắc, trong đó có nhiều ca mắc biến chủng mới BA.4, BA.5. Kể từ ca mắc Covid-19 đầu tiên tại Việt Nam vào ngày 23/01/2020 đến ngày 28/7/2022, Việt Nam có 10.773 nghìn trường hợp mắc, trong đó 9.881,6 nghìn trường hợp đã được chữa khỏi và 43,1 nghìn trường hợp tử vong.

Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho nhóm trẻ em từ 5 -11 tuổi, tiêm mũi 3 cho nhóm trẻ từ 12-17 tuổi và tiêm mũi 3, mũi 4 cho người trên 18 tuổi còn thấp. Từ ngày 08/3/2021 đến ngày 21/7/2022, tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 241.480,8 nghìn liều, trong đó tiêm mũi 1 là 87.717,3 nghìn liều; tiêm mũi 2 là 81.040,6 nghìn liều; tiêm mũi 3 là 1.515,1 nghìn liều; mũi bổ sung là 14.048,8 nghìn liều; mũi nhắc lại lần 1 là 49.571,2 nghìn liều; mũi nhắc lại lần 2 là 7.587,8 nghìn liều.

Về dịch cúm, theo Bộ Y tế hằng năm Việt Nam vẫn ghi nhận từ 600.000-1.000.000 trường hợp mắc cúm mùa. Số mắc ghi nhận quanh năm và có xu hướng gia tăng vào thời điểm chuyển mùa Hè-Thu, Đông-Xuân. Số ca mắc cúm ở Việt Nam, hiện không có sự khác biệt so với những năm trước đây, tuy nhiên số nhập viện có xu hướng gia tăng tại một số bệnh viện tuyến cuối, trong đó phần lớn là nhiễm cúm A. Cúm A không phải chủng độc lực cao, từ đầu năm 2022 đến nay Việt Nam chưa ghi nhận trường hợp nhiễm cúm gia cầm A (H5N1), A(H5N), A(H5N8), A(H7N9)...).

Đến nay mặc dù Việt Nam chưa ghi nhận ca bệnh đậu mùa khỉ nào, nhưng Việt Nam vẫn luôn cảnh giác, phòng chống dịch bệnh. Bộ Y tế đã có những biện pháp, khuyến cáo người dân để phòng chống dịch bệnh một cách hiệu quả nhất.

Đối với các bệnh khác, trong tháng (19/6-18/7/2022), cả nước có 49.807 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (08 trường hợp tử vong); 14.933 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (01 trường hợp tử vong); 29 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút; 01 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu; 43 trường hợp sốt phát ban nghi sởi. Tính chung 7 tháng năm 2022, cả nước có 103.433 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (37 trường hợp tử vong); 36.792 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (02 trường hợp tử vong); 139 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (03 trường hợp tử vong); 09 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu; 118 trường hợp sốt phát ban nghi sởi.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/7/2022 là 217.704 người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 111.796 người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng 7/2022 xảy ra 13 vụ với 85 người bị ngộ độc. Tính chung 7 tháng năm 2022, cả nước xảy ra 27 vụ với 357 người bị ngộ độc (02 người tử vong).

*e) Về văn hóa, thể thao và du lịch*

Công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể luôn được các địa phương quan tâm, đầu tư, nhằm phát huy được giá trị di sản, tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai rộng khắp trên cả nước đã tạo dựng được môi trường văn hóa lành mạnh, giúp người dân có điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống.

Phong trào thể thao quần chúng tiếp tục được đẩy mạnh gắn với cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; phong trào thể dục thể thao thanh thiếu nhi trong trường học, nhà văn hoá, nhà thiếu nhi, khu dân cư ngày càng sôi nổi, đa dạng, phong phú, thu hút đông đảo trẻ em tham gia.

f) Về thông tin, truyền thông

Tập trung thông tin kịp thời các hoạt động chính trị - xã hội, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; thông tin kịp thời, đúng định hướng về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các hoạt động kinh tế - xã hội, các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19, các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các hoạt động “uống nước nhớ nguồn” kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh Liệt sĩ... Bám sát, thông tin đầy đủ về các vấn đề: dân sinh; an toàn thực phẩm; thông tin về tình hình an toàn giao thông, an ninh, trật tự; phòng, chống hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội… Đảm bảo thông tin nhanh, nhạy, kịp thời đến người dân.

**(4)** **Về tình hình phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ**

*- Bảo vệ môi trường:* Trong tháng 7/2022, cơ quan chức năng đã phát hiện 1.594 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 1.615 vụ với tổng số tiền phạt 21,3 tỷ đồng, giảm 23,4% so với tháng trước và giảm 37,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm nay đã phát hiện 13.079 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 11.319 vụ với tổng số tiền phạt là 151,8 tỷ đồng, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm trước.

*- Hậu quả do thiên tai:* Thiệt hại do thiên tai trong tháng Bảy chủ yếu do ảnh hưởng của mưa lớn, ngập lụt, sạt lở đất làm 21 người chết và mất tích, 17 người bị thương; 3,9 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và hư hỏng; 5 nghìn ha lúa và 762,1 ha hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong tháng là 167,4 tỷ đồng giảm 36,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 7 tháng năm nay, thiên tai làm 97 người chết và mất tích, 68 người bị thương; 12,1 nghìn ngôi nhà bị sập đổ và hư hỏng; 164,2 nghìn ha lúa và 32,5 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 5.624,5 tỷ đồng, gấp 7,3 lần cùng kỳ năm 2021.

*- An toàn giao thông:* Trong tháng Bảy (từ 15/6-14/7/2022), trên địa bàn cả nước xảy ra 833 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 585 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 248 vụ va chạm giao thông, làm 471 người chết, 320 người bị thương và 246 người bị thương nhẹ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 12,4% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 8,2% và số vụ va chạm giao thông giảm 21%) số người chết giảm 10,3%; số người bị thương tăng 4,2% và số người bị thương nhẹ giảm 20,9%. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Bảy tăng 5,2% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 10,2% và số vụ va chạm giao thông giảm 5%); số người chết tăng 8,3%; số người bị thương tăng 17,2% và số người bị thương nhẹ tăng 4,2%.

Tính chung 7 tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 6.536 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 4.578 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 1.958 vụ va chạm giao thông, làm 3.785 người chết, 2.284 người bị thương và 1.972 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 7 tháng năm nay giảm 8,4% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 0,2%; số vụ va chạm giao thông giảm 23,9%); số người chết tăng 4,1%; số người bị thương giảm 3,3% và số người bị thương nhẹ giảm 24,8%. Bình quân 1 ngày trong 7 tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 31 vụ tai nạn giao thông, gồm 22 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 9 vụ va chạm giao thông, làm 19 người chết, 11 người bị thương và 9 người bị thương nhẹ.

*- Phòng chống cháy, nổ:* Trong tháng[[28]](#footnote-28), cả nước xảy ra 154 vụ cháy, nổ, làm 6 người chết và 3 người bị thương, thiệt hại ước tính 77,1 tỷ đồng, giảm 75,3% so với tháng trước và gấp 2,6 lần cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 1.010 vụ cháy, nổ, làm 55 người chết và 55 người bị thương, thiệt hại ước tính 491,9 tỷ đồng, tăng 54,5% so với cùng kỳ năm trước.

**(5) Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, quản lý, nắm chắc tình hình, kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp, đối sách xử lý phù hợp, không để bị động, bất ngờ; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV. Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp, biện pháp khống chế dịch Covid-19. Tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; điều tra, xử lý nghiêm nhiều vụ, việc lớn, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước.

Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến không thuận, khó lường, về tổng thể, Việt Nam vẫn giữ được cục diện đối ngoại tương đối thuận lợi; giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định; đảm bảo vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; củng cố và phát huy vai trò, vị trí của ta trên trường quốc tế. Trong tháng,Việt Nam đã tiếp tục chủ động đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại cả song phương và đa phương; củng cố quan hệ với các nước láng giềng, trong đó nổi bật là việc tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm năm đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào 2022, kỷ niệm 45 năm đánh đổ Polpot và 55 năm thiết lập quan hệ hữu nghị Việt Nam - Campuchia; tiếp tục xử lý cân bằng, hài hòa quan hệ với các nước lớn, giữ được đà quan hệ thuận lợi với tất cả các đối tác chủ chốt, góp phần kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

Triển khai hiệu quả công tác về người Việt Nam ở nước ngoài, bảo hộ công dân, thông tin đối ngoại và xử lý thỏa đáng các vấn đề nhân quyền. Theo đó, đã cơ bản sơ tán 5.200 công dân Việt Nam ở Ukraine khỏi vùng chiến sự; triển khai hiệu quả Kết luận số 12 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới; ứng cử thành công với số phiếu cao nhất vào Ủy ban Liên Chính phủ Công ước 2003 về bảo vệ di sản phi vật thể nhiệm kỳ 2022 – 2026; tiếp tục tăng tốc vận động ứng cử làm thành viên Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2023-2025.

Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế và công tác nghiên cứu, tham mưu, triển khai hiệu quả ngoại giao vắc- xin, đẩy mạnh thỏa thuận công nhận hộ chiếu vắc-xin[[29]](#footnote-29) phục vụ phục hồi, phát triển kinh tế. Tăng cường nghiên cứu, tham mưu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và các bộ, ngành địa phương, nhất là đối với các vấn đề được Chính phủ, người dân quan tâm như năng lượng, lạm phát… Hỗ trợ hiệu quả các địa phương trong nâng cao năng lực, xóa đói giảm nghèo, phát triển cơ sở hạ tầng, triển khai các FTA đã ký kết, công tác xây dựng quy hoạch...

**2. Nguyên nhân**

Nguyên nhân của kết quả đạt được là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; sự phối hợp, ủng hộ của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời, đúng hướng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự linh hoạt, phối hợp chặt chẽ của các bộ, cơ quan trong quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô, điều hành giá, kiềm chế lạm phát; sức mạnh đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân công, phân cấp trong tổ chức thực hiện gắn với trách nhiệm người đứng đầu; sự ủng hộ, giúp sức của bạn bè quốc tế.

Tuy nhiên, nước ta vẫn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, chủ yếu do các nguyên nhân sau: (1) tình hình thế giới biến động rất nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, khó khăn nhiều hơn thuận lợi, vượt quá khả năng dự báo của các tổ chức quốc tế và các nước; (2) kinh tế trong nước bị ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch, cần tích lũy để phục hồi, trong khi nền kinh tế có độ mở lớn, chịu nhiều ảnh hưởng bởi tác động bên ngoài; (3) việc tham mưu, đề xuất chính sách trong một số trường hợp còn bị động, chưa tính đến độ trễ trong xây dựng và triển khai thực hiện, một bộ phận cán bộ thực thi còn có tâm lý tránh né, ngại ngần trong triển khai công vụ; (4) còn tiềm ẩn nguy cơ diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh mới xuất hiện trở lại.

**3. Bài học kinh nghiệm**

- Nắm chắc tình hình, chủ động xây dựng, thường xuyên cập nhật các kịch bản điều hành, ứng phó kịp thời với tình hình thế giới, tình huống bất ngờ phát sinh, không để bị động, lúng túng; tự lực, tự cường, nâng cao năng lực nội tại, sức chống chịu của nền kinh tế; tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng chiến lược, quy mô lớn.

- Tập trung đánh giá kỹ nguyên nhân kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách; nâng cao tính chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô, điều hành giá, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền phù hợp để tạo đồng thuận xã hội trong triển khai thực hiện.

- Không chủ quan, lơ là trước dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh mới phát sinh; quán triệt, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch và tiêm vắc xin trong tình hình mới.

- Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; chủ động, linh hoạt, thống nhất trong tổ chức thực hiện; tăng cường phân công, phân cấp đi đôi với đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển KTXH; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

***Nhìn chung,*** *trong tháng 7 và 7 tháng, xu hướng phục hồi KTXH của nước ta ngày càng được củng cố và phát triển tích cực; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát; duy trì mặt bằng tỷ giá, lãi suất hợp lý, cơ bản ổn định so với các nước lớn và trong khu vực đang chịu nhiều biến động; bảo đảm các cân đối lớn, an ninh năng lượng, lương thực. Đây là yếu tố rất tích cực cho phục hồi và phát triển KTXH; tạo dư địa điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ, thương mại, điều hành giá cho những tháng cuối năm 2022 và các năm tiếp theo.*

Tuy nhiên, rủi ro, thách thức phục hồi kinh tế còn rất lớn, nhất là những vấn đề khó dự báo do phụ thuộc điều hành chính sách của các quốc gia lớn trên thế giới nhưgiá cả, nguồn cung xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao…, cộng hưởng với đà phục hồi tiêu dùng trong nước, yếu tố tâm lý, thời điểm gia tăng nhu cầu vào cuối năm tạo áp lực lạm phát, gia tăng chi phí sản xuất. Nếu không có giải pháp điều hành, hỗ trợ kịp thời, có thể ảnh hưởng lớn đến sản xuất trong nước, nhất là sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực; từ đó tác động dây chuyền đến nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế, đời sống người dân.

**II. ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC**

**1. Diễn biến kinh tế thế giới và khu vực**

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2022 điều chỉnh giảm trong bối cảnh số ca nhiễm Covid-19 tăng trở lại ở nhiều quốc gia, giá cả leo thang bất ổn, lạm phát duy trì mức cao, cuộc chiến ở Ukraine kéo dài. Chỉ số PMI toàn cầu giảm dần từ tháng 3/2022 cho thấy ảnh hưởng tiêu cực của những yếu tố trên đến tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung.

Các tổ chức quốc tế đã đồng loạt hạ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 6/2022) dự báo GDP năm 2022 có thể đạt 3,0%, giảm so với mức dự báo 4,5% trong dự báo trước đó. FitchRatings (6/2022) dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 ở mức 2,9%, giảm 0,6 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Theo Ngân hàng Thế giới (NHTG, 6/2022), tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2022 chỉ đạt 2,9%, giảm 1,2 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. NHTG cũng nhấn mạnh triển vọng phục hồi tăng trưởng còn thiếu vững chắc, do nguy cơ giá hàng hóa tiếp tục tăng cao và các chính phủ tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ nhằm xử lý áp lực lạm phát, bất ổn tài chính gia tăng, nguồn cung căng thẳng và tình trạng mất an ninh lương thực ngày càng trầm trọng.

**Một số nền kinh tế chủ yếu:**

*Kinh tế Mỹ* đang gặp nhiều khó khăn.Tăng trưởng kinh tế Mỹ đạt -1,6% trong Quý I/2022 và -0,9% trong quý II/2022 so với cùng kỳ năm trước, tiềm ẩn rủi ro suy thoái nhẹ trong tương lai. Lạm phát của Mỹ vẫn tiếp tục đà tăng cao trong tháng 7/2022, đạt mức 8,0. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục tăng lãi suất trong những nỗ lực nhằm ngăn chặn đà tăng của lạm phát khi hôm 27/7 nâng lãi suất thêm 0,75%. Lãi suất tham chiếu tại Mỹ hiện nằm trong khoảng 2,25% - 2,5% và là mức cao nhất kể từ tháng 12/2018. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất còn 52,7 điểm trong tháng 6/2022. Chỉ số niềm tin kinh doanh của nước này tháng 6 cũng giảm điểm còn 53 điểm (so với 56,1 điểm trong tháng 5). Tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ tiếp tục duy trì ổn định ở mức 3,6% trong sáu tháng tháng vẫn là mức thấp nhất kể từ tháng 2/2020. Thực tế, thị trường lao động đang là điểm sáng của kinh tế Mỹ, với 2,2 triệu người đã tìm được việc làm trong nửa đầu năm 2022, trong đó chỉ riêng quý 2 đã có 1,1 triệu người. Niềm tin của người tiêu dùng lại có dấu hiệu khá sáng sủa khi tổng mức bán lẻ của nước này tăng thêm 1% trong tháng 6 so với tháng trước, và tăng 8,42% với cùng kỳ năm 2021. Tiêu dùng vẫn được duy trì cho thấy có nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ. Vì thế, nếu Mỹ giải quyết được tình trạng tắc nghẽn chuỗi cung ứng, cũng như tăng lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng tiêu dùng trong nước thì vẫn có thể giúp giá cả giảm nhiệt.

*Kinh tế châu Âu* tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do tình hình căng thẳng do tình trạng leo thang kéo dài và diễn biến phức tạp của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine. Mặc dù giá dầu và giá hàng hóa có dấu hiệu giảm nhẹ so với thời gian trước, lạm phát của khu vực vẫn ghi nhận ở mức cao. Lạm phát khu vực châu Âu đã tăng lên 8,9% trong tháng 7/2022 (tăng 0,3 điểm % so với tháng 6/2022) - mức cao nhất kể từ khi thành lập khối đồng tiền chung Euro. Tại Đức, lạm phát là 7,5% trong tháng 7, cao hơn nhiều so với mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu. Còn ở Tây Ban Nha, lạm phát lên cao nhất 38 năm, với 10,8%. Tuy nhiên, GDP quý II của châu Âu đã tăng 0,7%, cao hơn nhiều so với dự báo chỉ 0,2%. Dù vậy tình hình vẫn hết sức khó khăn khi nguy cơ thiếu khí đốt do tác động của cuộc xung đột Nga – Ukraine và việc Trung Quốc áp dụng các chính sách kiểm soát dịch bệnh chặt chẽ sau khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại ở quốc gia này đã đẩy các nhà máy tại Châu Âu vào tình trạng thiếu nguyên liệu đầu vào sản xuất.

*Kinh tế Trung Quốc* lao đao vì tiếp tục theo đuổi chiến lược zero Covid. Kinh tế nước này hạ nhiệt đáng kể từ tháng 4 năm 2022, khi các biện pháp phong tỏa nhằm kiểm soát đại dịch COVID-19 được mở rộng, gây ảnh hưởng không nhỏ đến tiêu dùng, sản xuất công nghiệp và việc làm. Trong nửa đầu năm 2022, GDP Trung Quốc tăng 2,5%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu tăng trưởng khoảng 5,5% của chính phủ cho năm nay. Đầu tư tài sản cố định tăng 6,1% trong 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn so với mức dự báo tăng 6% nhưng thấp hơn mức tăng 6,2% đạt được trong 5 tháng đầu năm. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PboC) đang rất thận trọng trước các biện pháp tài chính của các quốc gia phát triển khác, với quyết định duy trì mức lãi suất cho vay đối với các khoản cho vay doanh nghiệp và hộ gia đình (lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn một năm là 3,7%, lãi suất cho vay kỳ hạn 5 năm là 4,45% cho đối tượng là các hộ gia đình và doanh nghiệp). PboC cũng đã cắt giảm 25 điểm cơ bản tỷ lệ dự trữ bắt buộc chuẩn đối với tất cả các ngân hàng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tình hình thị trường việc làm vẫn mong manh. Tỷ lệ thất nghiệp toàn quốc giảm còn 5,5% trong tháng 6, từ mức 5,9% trong tháng 5. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp ở người trẻ lập kỷ lục 19,3% trong tháng 6, cao hơn nhiều so với mức 18,4% trong tháng 5. Sự phục hồi lay lắt trong lĩnh vực bất động sản thiếu vốn của Trung Quốc đang gặp phải sức ép từ việc người mua nhà trên toàn quốc dừng việc thanh toán các khoản vay thế chấp nhà cho tới khi các công ty bất động sản nối lại việc xây dựng các dự án đã bán trước. Hiện nay, tuy đã dỡ bỏ một số lệnh nhưng Trung Quốc vẫn đang theo đuổi chính sách Zero COVID nghiêm ngặt. Việc áp dụng các biện pháp phong tỏa mới ở một số thành phố và sự xuất hiện của biến thể BA.5 rất dễ lây lan đã làm gia tăng mối lo ngại giữa các doanh nghiệp và người tiêu dùng về một tương lai bất định kéo dài.

*Khu vực ASEAN:* Lĩnh vực sản xuất của ASEAN đang tăng trưởng chậm lại, chỉ số PMI toàn phần giảm đạt 52 điểm trong tháng 6, giảm so với 52,3 điểm của tháng 5. Trong tháng 6/2022, 06/07 quốc gia ASEAN khảo sát ghi nhận tăng trưởng. Tuy nhiên, tăng trưởng đã chậm lại tại bốn trong tổng số bảy quốc gia khảo sát và Myanmar ghi nhận giảm[[30]](#footnote-30). Lạm phát tăng, nguyên vật liệu khan hiếm và giá năng lượng tăng đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của từng khu vực. Tuy nhiên, niềm tin kinh doanh tại các công ty trong khu vực ASEAN vẫn rất tích cực khi các nền kinh tế nỗ lực thực hiện các giải pháp để thích ứng với tình hình thực tiễn, củng cố niềm tin kinh doanh. Các công ty hy vọng sản lượng sẽ tăng và có nhiều tín hiệu lạc quan hơn nữa trong thời gian tới.

*Kinh tế Nhật Bản:* Thâm hụt thương mại của Nhật Bản đã tăng lên 2.384,7 tỷ JPY vào tháng 5/2022 từ mức 212,9 tỷ JPY trong cùng kỳ năm 2021, đánh dấu tháng thâm hụt thương mại thứ 10 liên tiếp và là mức thâm hụt lớn nhất kể từ tháng 1/2014, trong bối cảnh nhập khẩu tăng mạnh. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, thâm hụt thương mại lên tới 6.498,1 tỷ Yên, so với mức thặng dư 478,3 tỷ Yên cùng kỳ năm 2021. Lạm phát của Nhật Bản liên tục tăng, đạt tới 2,5% vào tháng 5/2022, mức cao nhất kể từ tháng 10/2014.

Đồng yen Nhật Bản chịu nhiều áp lực giảm giá trong năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu khiến đồng yen giảm mạnh so với đồng đô la Mỹ là do các nhà đầu tư lo ngại chênh lệch lãi suất giữa hai nền kinh tế sẽ nới rộng[[31]](#footnote-31). Đồng yen còn chịu áp lực từ đà phục hồi kinh tế chậm của Nhật Bản. Dù đà tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu cải thiện từ quý II năm nay khi các hoạt động thương mại được tiếp sức sau khi các quy định hạn chế được nới lỏng trong tháng Ba, nhưng đà suy giảm của đồng yen có thể vẫn chưa dừng lại. Mặt khác, đồng yen yếu sẽ làm hạn chế việc thúc đẩy lĩnh vực xuất khẩu của Nhật Bản trong năm nay. Các nhà sản xuất cũng đang phải đối mặt với chi phí đầu vào gia tăng. Sự suy yếu kéo dài này của đồng yen sẽ thúc đẩy lạm phát và làm giảm chi tiêu tiêu dùng, từ đó tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản.

*Đầu tư toàn cầu gặp nhiều khó khăn* do ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga-Ucraina và sự bùng phát trở lại của dịch Covid-19. Theo số liệu của FDI Markets cho thấy, trong quý đầu tiên của năm 2022, các dự án cấp mới trên toàn cầu đã giảm 13%[[32]](#footnote-32). Tuy nhiên, các chính sách nới lỏng tài chính và các gói kích thích tại mỗi quốc gia là động lực thúc đẩy dòng vốn FDI toàn cầu. Đầu tư của một số ngành đã bùng nổ mạnh mẽ. Trong đó, các doanh nghiệp vận tải đã mở rộng năng lực để cải thiện tình trạng tắc nghẽn do đại dịch gây ra, cùng với đó là sự gia tăng của các dự án mới tập trung trong lĩnh vực phần mềm và dịch vụ tài chính[[33]](#footnote-33).

*Xu hướng tăng của lạm phát tiếp tục được kéo dài và đã lập đỉnh tại nhiều nền kinh tế.* Áp lực lạm phát đã lan rộng trên toàn cầu, nguyên nhân chính là căng thẳng chuỗi cung ứng, khan hiếm lao động sau đại dịch và các cú sốc giá cả liên tiếp. Lạm phát tại Anh cao nhất trong vòng 40 năm, chạm mức 9,1%. Lạm phát tại Mỹ tiếp tục tăng mạnh lên mức kỷ lục 9,1%. Lạm phát tại Nga đã giảm xuống 15,9% so với mức 17,1% vào tháng Năm và mức kỷ lục là 17,8 vào tháng Tư. Tại khu vực đồng Euro, lạm phát tiếp tục lên mức kỷ lục mới 8,6%. Giá năng lượng cao được cho là nguyên nhân chính đẩy lạm phát tại khu vực này tăng cao. Lạm phát đặc biệt nghiêm trọng và chạm mức hai con số ở một số quốc gia thành viên EU, trong đó Estonia dẫn đầu với 21,9%, Đối với các quốc gia thành viên quan trọng của EU, lạm phát đều ở mức cao. Cụ thể, Đức (7,6%), Pháp (5,8%), Italia (8%) và Tây Ban Nha (10,2%).[[34]](#footnote-34) Lệnh cấm nhập khẩu dầu từ Nga nhanh chóng tác động đến thị trường dầu của các nước EU, đồng nghĩa với việc ra tăng rủi ro đối với lạm phát.

*Giá nguyên liệu, nhiên liệu và lương thực giảm nhẹ trước nguy cơ suy thoái kinh tế.* Giá dầu tháng 7 giảm mạnh khi thị trường dầu thô lo ngại nhu cầu tiêu thụ dầu toàn cầu suy yếu trong bối cảnh Fed bắt đầu thực hiện kế hoạch tăng mạnh lãi suất 0,75 điểm phần trăm. Cụ thể, giá dầu thô Brent giao tháng 9 đã giao dịch ở mức 101,16 USD/thùng và giá dầu thô WTI của Mỹ giao tháng 8 đạt mức mức 97,59 USD/thùng, giảm trung bình từ 8-10 USD/ thùng so với tháng trước. Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO) báo cáo giá lương thực toàn cầu đạt trung bình 154,2 điểm vào tháng 6/2022, giảm 3 điểm so với tháng trước. Mặc dù giảm so với tháng trước đó, chỉ số tháng 06/2022 vẫn cao hơn 23,1% so với cùng kỳ năm 2021 đo tác động của cuộc xung đột Nga - Ukraine, quan ngại về thời tiết bất lợi, nhu cầu toàn cầu cao và chi phí sản xuất và vận chuyển cao. FAO cũng nâng dự báo sản lượng ngũ cốc toàn cầu trong năm 2022 từ ước tính 2,784 tỷ tấn trước đó lên 2,792 tỷ tấn, thấp hơn 0,6% so với năm 2021. Dự báo sử dụng ngũ cốc trên thế giới cho năm 2022 - 2023 cũng tăng 9,2 triệu tấn lên 2,797 tỷ tấn. Giá thép trên thế giới giao kì hạn tháng 10/2022 trên Sàn giao dịch Thượng Hải giảm xuống mức 3.878 nhân dân tệ/tấn. Trong khi đó, giá thép tại Ấn Độ đã tăng 8.000 rupee/tấn. Nhìn chung, xu hướng thép trên thế giới chứng kiến xu hướng giảm trong quý 3, do các chính phủ đã áp thuế 15% đối với thép xuất khẩu vào tháng 5/2022 để hạ nhiệt giá và các nhà máy cũng phải giảm giá bán để khiến cho giá thép không leo thang quá nhiều.

Nhằm đối phó với tình trạng lạm phát tăng cao, hầu hết các quốc gia có xu hướng đẩy nhanh thắt chặt các điều kiện tài chính. Ngược lại, một số nền kinh tế như Trung Quốc và Nhật Bản vẫn duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ trong bối cảnh nền kinh tế trì trệ do chiến sự tại Ukraine và chính sách zero-COVID.

**2. Dự báo tình hình kinh tế trong nước**

Kinh tế Việt Nam trong nước đang có điều kiện thuận lợi. Sản xuất và kinh doanh đang có sự phục hồi khá ổn định. Vì vậy, tuy vẫn còn các khó khăn như phải áp lực lạm phát, chi phí sản xuất gia tăng, nguy cơ dịch bệnh còn hiện hữu, nhưng triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn khá khả quan, do nền tăng trưởng quý III và quý IV/2021 ở mức thấp, triển khai Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ hơn sẽ là động lực cho tăng trưởng kinh tế năm 2022 mà cả cho các năm sau.

Các tổ chức quốc tế đều đưa ra những con số dự báo khá lạc quan hơn. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2022 sẽ phục hồi ở mức 6,5% và có thể đạt 6,7% năm 2023; NHTG dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt 5,3% năm 2022, sau đó sẽ ổn định trở lại quanh mức 6,5%; Văn phòng giám sát kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng ở mức 6,3% trong năm 2022 và 6,5% vào năm 2023; IMF dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2022 là 7% (tăng so với mức dự báo 6% tại thời điểm 16/5/2022), năm 2023 là 6.7% (giảm so với mức dự báo 7,2% vào thời điểm 16/5/2022). Mới đây, S&P Global Ratings (S&P) đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+ với triển vọng “ổn định”. Các tổ chức, chuyên gia kinh tế đều chung nhận định áp lực lạm phát sẽ tăng, song Việt Nam vẫn có thể kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% trong năm 2022.

Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới tiếp tục chịu ảnh hưởng của các yếu tố phức tạp từ bên ngoài như: (i) Sự phục hồi chậm và khó khăn của các đối tác thương mại lớn; (ii) Diễn biến của căng thẳng Nga - Ukraine cũng như xu hướng thắt chặt tài khóa; (iii) Tiền tệ gia tăng trước bối cảnh lạm phát đạt mức kỷ lục tại nhiều nước; (iv) Giá cả nhiều mặt hàng thế giới tiếp tục xu hướng tăng gây nhiều áp lực lên giá cả đầu vào sản xuất tại Việt Nam; (v) Sự gián đoạn chuỗi cung ứng do Trung Quốc tiếp tục đóng cửa biên giới; (vi) Đồng thời, cũng cần chú ý đến tốc độ tiêm chủng vaccine Covid-19 đang trong xu hướng chậm lại trong thời gian qua, đặc biệt là đối với mũi thứ 3, thứ 4 cho người trên 18 tuổi và tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế và tình trạng nghỉ việc của cán bộ, công nhân viên trong ngành y tế đã gây ảnh hưởng đến công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung và công tác phòng, chống dịch nói riêng. Trong bối cảnh số ca nhập viện và tử vong do Covid-19 tăng trở lại ở nhiều quốc gia trên thế giới, những bất cập trong công tác phòng chống dịch bệnh kể trên tiềm ẩn nhiều nguy cơ, vẫn có thể gây tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong các tháng cuối năm 2022.

Trong bối cảnh đó, dư địa điều hành chính sách tiền tệ hiện còn khá hẹp do rủi ro lạm phát, áp lực tăng lãi suất lớn trong khi cần duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ phục hồi kinh tế, tỷ giá USD, cán cân thanh toán, vãng lai chịu sức ép lớn. Thu ngân sách nhà nước năm 2021 và 7 tháng năm 2022 đạt kết quả tích cực, tạo dư địa tài khóa để thực hiện các chính sách hỗ trợ nền kinh tế, người dân, đặc biệt các chính sách giảm áp lực chi phí sản xuất, tăng giá .

**III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NHỮNG THÁNG CÒN LẠI NĂM 2022**

Trong bối cảnh khó khăn, thách thức vây quanh là rất lớn, để bảo vệ, củng cố, duy trì và phát huy các thành quả đạt được trong phục hồi và phát triển KTXH của 7 tháng đầu năm 2022, các bộ, cơ quan, địa phương cần đặc biệt quan tâm, không lơ là, chủ quan, không nóng vội nhưng cần phải bám sát tình hình, chủ động, linh hoạt, quyết liệt, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, Chương trình phòng, chống dịch Covid-19 (2022-2023); điều hành đồng bộ, chủ động, linh hoạt chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách vĩ mô khác, chủ động phương án ứng phó với các tình huống phát sinh; **trọng tâm là giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, đồng thời chống suy giảm đà phục hồi, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế**; nghiên cứu giải pháp hỗ trợ kịp thời doanh nghiệp, người dân, nhất là người nghèo, thu nhập thấp trước áp lực về giá, chi phí sản xuất, sinh hoạt tăng cao. Trong đó, chú trọng nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

- Bộ Y tế, các địa phương tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng chống dịch Covid-19, đẩy nhanh tiêm vắc-xin cho trẻ từ 5-11 tuổi, chuẩn bị tiêm cho trẻ dưới 5 tuổi theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế thế giới (WHO); theo dõi chặt chẽ các loại bệnh truyền nhiễm mới phát sinh, chủ động phương án về thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế để kiểm soát kịp thời.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo dõi chặt chẽ diễn biến chính sách tài khóa, tiền tệ của các nước lớn, là đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của Việt Nam; thường xuyên cập nhật các kịch bản về tăng trưởng, lạm phát, các cân đối lớn để chủ động trong điều hành.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất, xuất khẩu gạo của một số nước xuất khẩu lớn như Ấn Độ, Thái Lan, đánh giá tác động đến giá gạo trong nước, hoạt động xuất khẩu gạo của nước ta; đề xuất phương án ổn định giá, hỗ trợ người nông dân trong trường hợp cần thiết.

- Các bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực nắm chắc tình hình sản xuất, cân đối cung-cầu; đánh giá, nhận định các mặt hàng, nguyên vật liệu có khả năng thiếu hụt tạm thời và trong dài hạn để có giải pháp về nguồn hàng, điều tiết sản xuất, bảo đảm cung ứng cho sản xuất, đời sống.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo dõi sát diễn biến thị trường tiền tệ trong nước và quốc tế; điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, vừa kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, vừa duy trì mặt bằng lãi suất, tỷ giá hợp lý, bảo đảm nhu cầu tín dụng cho phục hồi sản xuất, kinh doanh; điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp, quyết liệt triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất (2%/năm); nghiên cứu điều chỉnh, hoàn thiện các quy định về quản trị, điều hành hoạt động để giúp tổ chức tín dụng cắt giảm chi phí hoạt động, hỗ trợ giảm lãi suất cho vay.

- Bộ Tài chính tiếp tục theo dõi chặt chẽ hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước; phối hợp với các bộ, cơ quan và địa phương kiểm soát chi chặt chẽ, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên.

- Triển khai nhanh, đồng bộ, quyết liệt hơn nữa Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài khóa, tiền tệ từ Chương trình; sớm giao kế hoạch vốn Chương trình và năm 2022 cho từng nhiệm vụ, dự án, bảo đảm tiến độ thực hiện, giải ngân; phát huy hiệu quả hoạt động Ban Chỉ đạo.

- Đẩy nhanh lộ trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tiếp tục nghiên cứu, nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, bảo vệ môi trường, tài nguyên và tiết kiệm năng lượng phù hợp với tiêu chuẩn của khu vực, thế giới, cũng như điều kiện, khả năng tuân thủ của các doanh nghiệp trong nước; hoàn thiện, báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý các vấn đề tồn đọng, dự án, doanh nghiệp kém hiệu quả, khơi thông nguồn lực cho nền kinh tế.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; phát huy vai trò của các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, nâng cao ý thức, năng lực cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công. Tăng cường quản lý đất đai, chú trọng giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong xác định nguồn gốc đất, quy hoạch sử dụng các loại đất, giá đất… để hỗ trợ tối đa đẩy nhanh công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, bảo đảm tiến độ thực hiện dự án.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các địa phương tập trung giải quyết tình trạng thiếu lao động cục bộ tại các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế lớn; quan tâm, chú trọng thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà, đặc biệt đối với người nghèo, người yếu thế. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện tốt công tác chuẩn bị cho năm học mới, đặc biệt trong phòng chống dịch Covid-19 để đón học sinh tựu trường an toàn.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, độc lập chủ quyền, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, xử lý nghiêm các vụ, việc trọng điểm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao song phương, đa phương, khẳng định vị thế, vai trò của nước ta trên trường quốc tế; chủ động các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai trong mùa mưa bão sắp tới.

- Thông tin, tuyên truyền hiệu quả, kịp thời đấu tranh phản bác quan điểm, tư tưởng sai trái; triệt phá, gỡ bỏ, ngăn chặn các thông tin xấu, độc, sai sự thật. Đồng thời phải tạo được niềm tin, động lực và niềm hứng khởi trong cộng đồng và xã hội, không hoang mang, mất bình tĩnh trước khó khăn, thách thức.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - TTgCP và các Phó TTg;  - Văn phòng Chính phủ;  - Lãnh đạo Bộ;  - Các đơn vị thuộc Bộ (bản điện tử);  - Lưu: VT, Vụ TH (3b). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Chí Dũng** |

1. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có đợt tăng lãi suất lớn bất thường và báo hiệu nhiều đợt tăng khác nhằm chống lạm phát đang ở mức cao nhất trong 40 năm. Cụ thể, ngày 27/7/2022, lãi suất cho vay qua đêm (Fed fund rate) được nâng lên 2,25%-2,5%. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 12.2018. Kể từ năm 1994 cho đến tháng trước, ngân hàng trung ương Mỹ chưa từng tăng lãi suất tới 0,75 điểm. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ngày 28/7/2022, Bộ Thương mại Mỹ công bố, GDP của Mỹ giảm 0,9% trong quý hai sau khi đã giảm 1,6% trong quý đầu tiên năm 2022. Theo các nhà kinh tế, GDP giảm hai quý liên tiếp là dấu hiệu cho thấy kinh tế bắt đầu suy thoái. [↑](#footnote-ref-2)
3. Giá nước khoáng tăng 0,58% so với tháng trước; giá nước giải khát có ga tăng 0,57%; nước quả ép tăng 0,76%; nước uống tăng lực đóng chai tăng 0,45%; rượu bia tăng 0,42% và thuốc hút tăng 0,24%. [↑](#footnote-ref-3)
4. Giá quần áo may sẵn tăng 0,37%; mũ nón tăng 0,26%; giày dép tăng 0,19%; dịch vụ may mặc tăng 0,28%. [↑](#footnote-ref-4)
5. CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục. [↑](#footnote-ref-5)
6. **(i)** LS cho vay qua đêm trong TTĐTLNH: 5,0%/năm, LS tái cấp vốn: 4,0%/năm, LS tái chiết khấu: 2,5%/năm; **(ii)** LS cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh thuộc các lĩnh vực ưu tiên là 4,5%/năm; **(iii)** LS tối đa bằng VND đối với tiền gửi có KH dưới 6 tháng (0,2%/năm đối với tiền gửi không KH và KH dưới 1 tháng; 4,0%/năm đối với tiền gửi có KH từ 1 tháng đến dưới 6 tháng). [↑](#footnote-ref-6)
7. Như: (i) giảm thuế GTGT, thuế TNDN, miễn thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (ii) giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay theo Nghị quyết số 13/2021/UBTVQH15 ngày 31/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (iii) giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu diesel, dầu mazút, dầu nhờn, mỡ nhờn và giảm 70% mức thuế bảo vệ môi trường đối với dầu hỏa theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (iv) giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ; (v) giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2022 theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ; (vi) giảm mức thu phí, lệ phí hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho một số đối tượng theo Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính,… [↑](#footnote-ref-7)
8. Tập đoàn Điện lực. [↑](#footnote-ref-8)
9. Không bao gồm vốn Chương trình mục tiêu quốc gia [↑](#footnote-ref-9)
10. Gồm: tp Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế, Bạc Liêu, Bình Thuận, Cần Thơ, Hà Tĩnh, Đồng Tháp, Bắc Ninh, Khánh Hòa, Hà Nam. [↑](#footnote-ref-10)
11. Tính từ 16/6/2022 đến 15/7/2022 [↑](#footnote-ref-11)
12. Giá cá tra loại 0,8-1,0 kg/con dao động trong khoảng 27.000-28.500 đồng/kg, giảm 2.000-3.000 đồng so với tháng trước, tăng 5.000-7.000 đồng/kg so với thời điểm cùng kỳ và tăng khoảng 20% so với thời điểm cuối năm 2021. Nguồn: <http://www.agromonitor.vn/group/48/280/giam-sat-gia>. [↑](#footnote-ref-12)
13. Giá tôm nguyên liệu trong tháng tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long ổn định so với tháng trước: Giá tôm thẻ chân trắng loại 100 con/kg dao động từ 94.000-98.000 đồng/kg; cỡ 80 con/kg dao động từ 102.000 – 107.000 đồng/kg; giá tôm sú loại 20 con/kg dao động ở mức 320.000 đồng/kg. Nguồn: <http://www.agromonitor.vn/group/47/272/giam-sat-gia>. [↑](#footnote-ref-13)
14. Tốc độ tăng sản lượng thủy sản khai thác tháng 7 các năm 2018-2021 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 5,0%; 6,2%; 1,5%; -0,3. [↑](#footnote-ref-14)
15. Tốc độ tăng chỉ số IIP tháng 7/2022 so với tháng trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn là: Thái Nguyên tăng 9,6%; Quảng Ninh và Hải Phòng cùng tăng 7,8%; Bắc Ninh tăng 6,7%; Bình Dương tăng 4,7%; Long An tăng 3,6%; Hải Dương tăng 2,7%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 0,9%; Vĩnh Long giảm 2,5%; Vĩnh Phúc giảm 5,1%. [↑](#footnote-ref-15)
16. Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 7 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước tăng cao là: Bắc Giang tăng 53,4%; Hà Giang tăng 27,7%; Bình Phước tăng 25%; Khánh Hòa tăng 23,2%; Quảng Nam tăng 21,7%; Sơn La tăng 15,7%; Đắk Lắk tăng 14,5%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao: Điện Biên tăng 59,8%; Cao Bằng tăng 57,2%; Lai Châu tăng 56,3% do thủy điện tăng cao. [↑](#footnote-ref-16)
17. Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 7 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước tăng thấp là: Bình Định tăng 6,5%; Bắc Kạn tăng 4,5%; Quảng Ngãi tăng 4,9%; Đà Nẵng tăng 4,1%; Ninh Bình tăng 2,6%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện 7 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước tăng thấp hoặc giảm: Ninh Thuận tăng 5,9% (do điện mặt trời giảm); Bình Thuận giảm 1,8% (Nhà máy điện Vĩnh Tân dừng hoạt động do tổ máy F1 gặp sự cố); Hà Tĩnh giảm 38,3% (Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng giảm sản xuất); Trà Vinh giảm 39,5% (Một số tổ máy của Nhà máy nhiệt điện Duyên hải ngừng dự phòng). Địa phương có ngành khai khoáng giảm: Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 0,6% (sản lượng khai thác dầu khí giảm); Ninh Thuận giảm 7,3% (khai thác cát giảm). [↑](#footnote-ref-17)
18. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2018 đạt 369 nghìn tỷ đồng, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước; tháng 7/2019 đạt 411,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5%. [↑](#footnote-ref-18)
19. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng năm 2022 tăng 15% so với 7 tháng năm 2019 - năm trước khi xảy ra dịch Covid-19. [↑](#footnote-ref-19)
20. Tháng 7/2021 là thời điểm bùng phát mạnh làn sóng dịch Covid-19 lần thứ Tư tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam nên doanh thu bán lẻ hàng hóa theo giá hiện hành 7 tháng năm 2021 chỉ tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 0,6%). [↑](#footnote-ref-20)
21. Doanh thu du lịch lữ hành tháng 7/2022 gấp 35,5 lần cùng kỳ năm trước. [↑](#footnote-ref-21)
22. Kỳ báo cáo từ ngày 21/6/2022-20/7/2022. [↑](#footnote-ref-22)
23. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong các năm 2017; 2018; 2019; 2020 và 2021 lần lượt là 26.448; 34.010; 39.421; 44.096 và 43.116 [↑](#footnote-ref-23)
24. Theo báo cáo của Bộ Lao động và Thương binh xã hội, [↑](#footnote-ref-24)
25. Theo Thông cáo báo chí của Tổng cục Thống kê. [↑](#footnote-ref-25)
26. Bộ GDĐT phối hợp với UNICEF Việt Nam tổ chức Hội nghị triển khai chương trình sức khoẻ học đường giai đoạn 2021-2025 và tập huấn thực hiện dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh. [↑](#footnote-ref-26)
27. Từ cuối tháng 12/2019 đến ngày 28/7/2022 trên thế giới có 577.444,7 nghìn trường hợp mắc Covid-19 (6.407,9 nghìn trường hợp tử vong). [↑](#footnote-ref-27)
28. Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/7/2022. [↑](#footnote-ref-28)
29. Tới 15/7, ta đã đạt thỏa thuận để hộ chiếu vác-xin của Việt Nam được sử dụng tại hơn 80 quốc gia/vùng lãnh thổ, chưa kể các quốc gia không yêu cầu người nhập cảnh phải có hộ chiếu vác-xin. [↑](#footnote-ref-29)
30. Singapore đứng đầu bảng xếp hạng trong bảy tháng liên tiếp đạt mức 59,3 điểm. Các điều kiện hoạt động ngành sản xuất ở Việt Nam có những cải thiện với kết quả 54 điểm. Philipines (53,8). Một số quốc gia có điều kiện sản xuất kinh doanh tăng nhẹ như Thái Lan (50,7), Malaysia (50,2); Indonesia (50,2). Cuối cùng, Myanmar là quốc gia duy nhất có chỉ số PMI ở mức dưới 50 điểm, sản xuất tại nước này suy giảm còn 48,2 điểm. [↑](#footnote-ref-30)
31. Fed có nhiều khả năng sẽ tăng lãi suất ở mức mạnh nhất trong hơn 30 năm (1 điểm %) tại cuộc họp chính sách hai ngày 26-27/7 tới để đối phó với lạm phát kỷ lục trong hơn 40 năm, trong khi Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BoJ) vẫn kiên trì với chính sách tiền tệ siêu lỏng để hỗ trợ đà phục hồi của kinh tế. [↑](#footnote-ref-31)
32. https://www.fdiintelligence.com/content/news/unctad-fdi-outlook-gloomy-for-2022-81076 [↑](#footnote-ref-32)
33. https://www.fdiintelligence.com/content/data-trends/investment-activity-spikes-in-may-amid-supply-chain-woes-81167 [↑](#footnote-ref-33)
34. https://tradingeconomics.com [↑](#footnote-ref-34)